

Ngày	16,500 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.1%	5.1%	3.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,150 - 17,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	834
Số lượng CPLH (CP)	50,564,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	249,135
Sở hữu nước ngoài	20.7%
Beta	0.57
EPS	2,172
P/E	7.6

DT thuần

Q1/24

311

tỷ VNĐ

QoQ: ▼66.0| -17.6%

YoY: ▼91.0| -22.7%

LN trước thuế

Q1/24

17.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.10| -10.9%

YoY: ▲ 1.90| 12.3%

LN sau thuế

Q1/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40| -2.7%

YoY: ▲ 0.20| 1.7%

ROA

2023

5.8%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2023

1,733

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.0| -1.9%

LN trước thuế

2023

132

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.1| 42.5%

LN sau thuế

2023

110

tỷ VNĐ

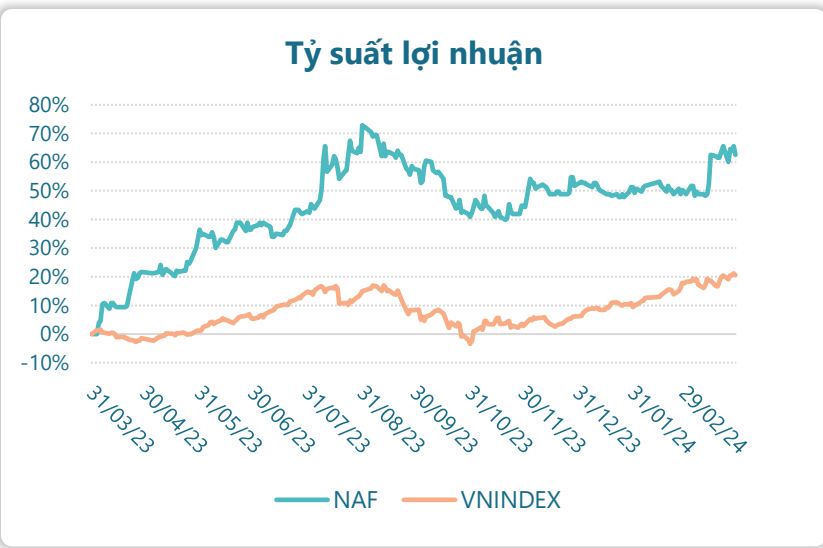
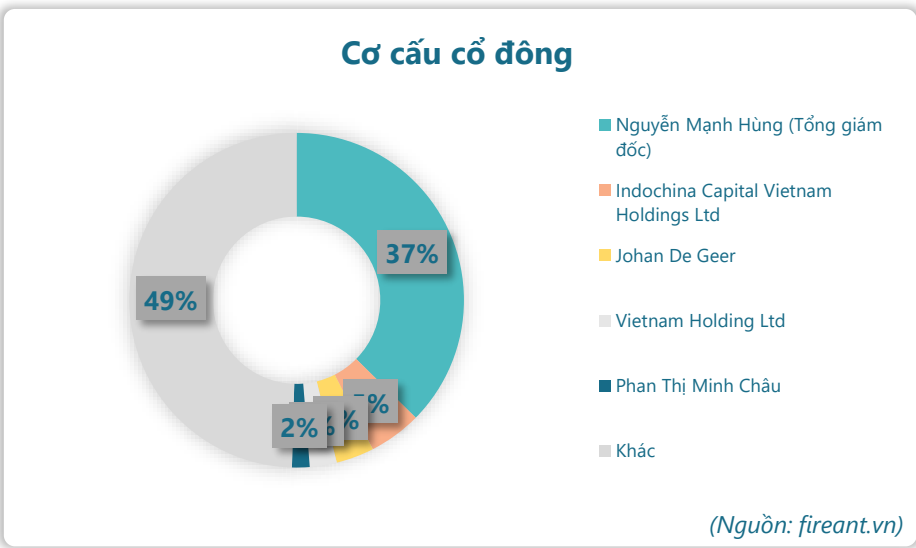
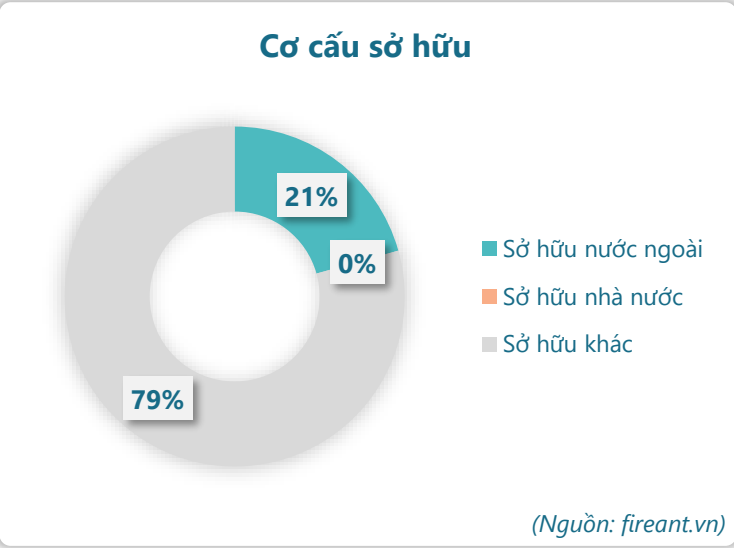
YoY: ▲ 30.2| 37.7%

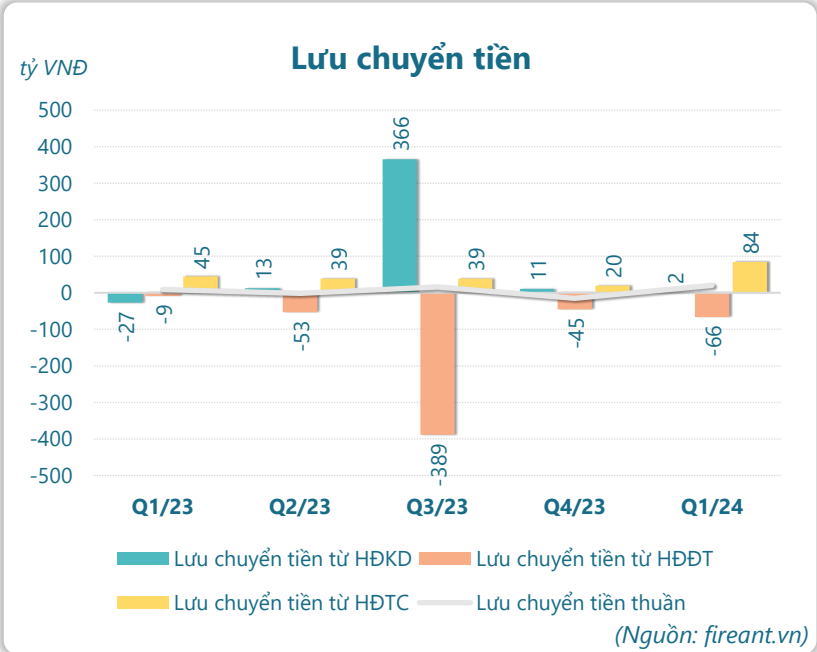
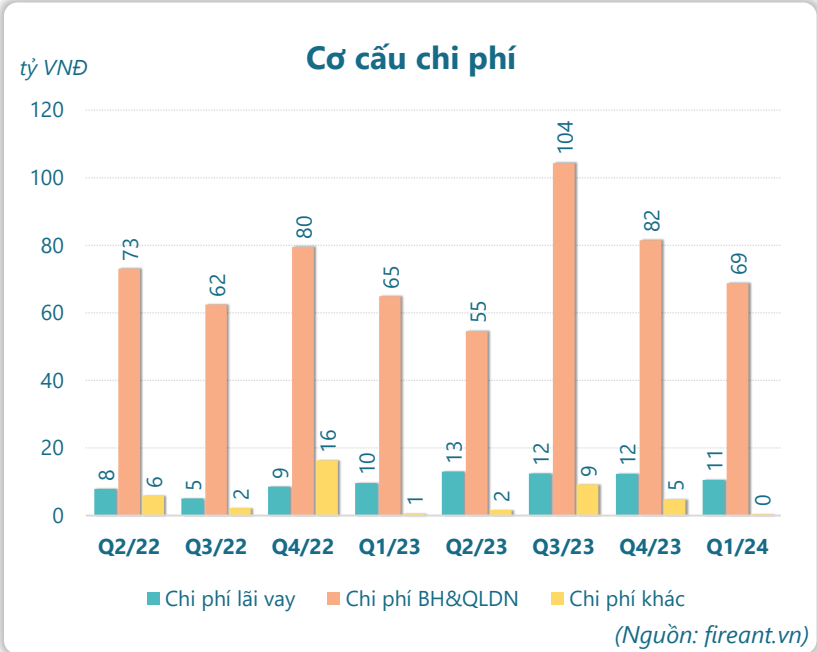
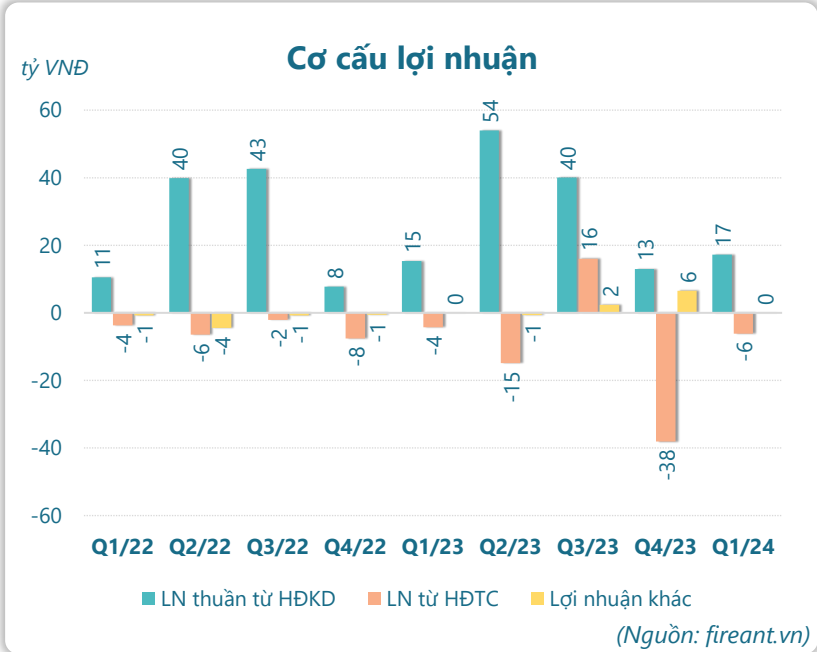
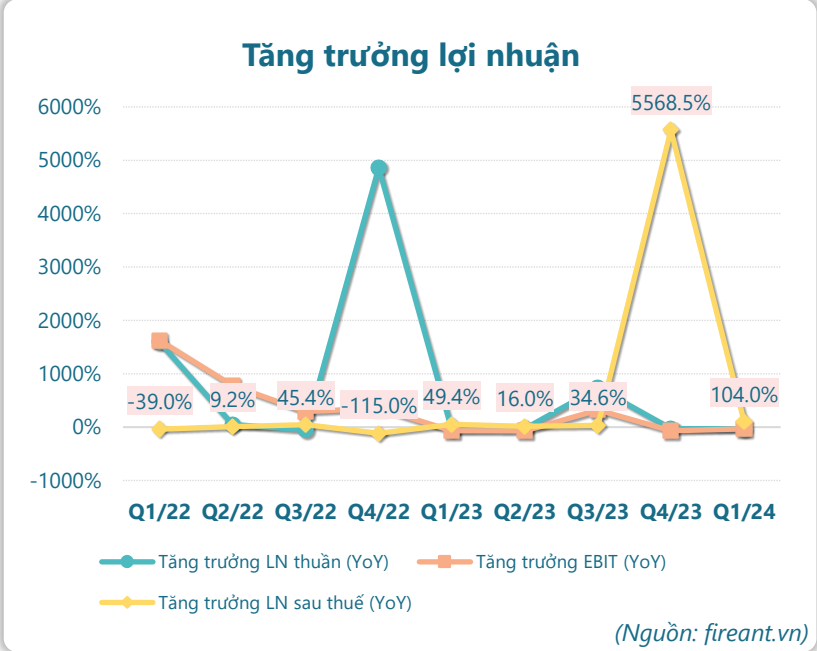
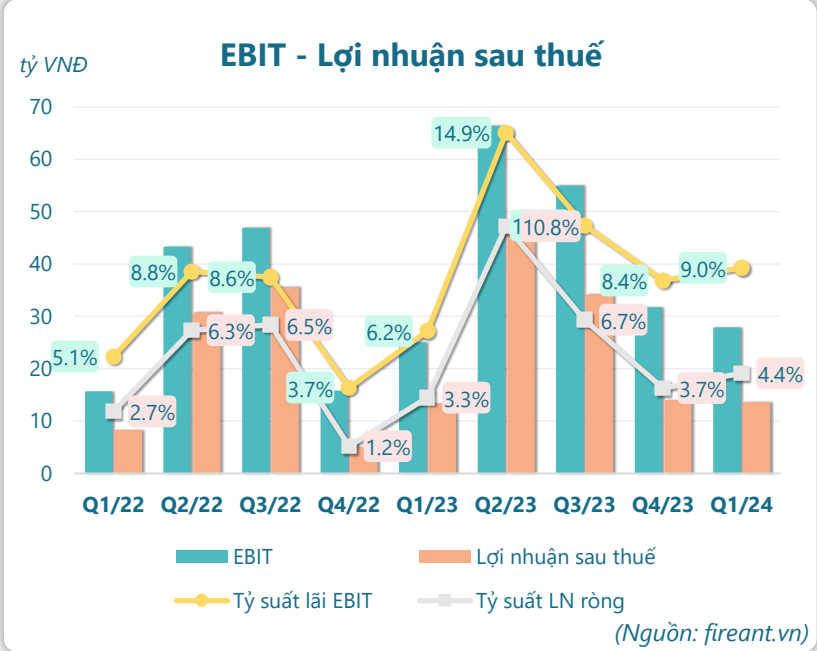
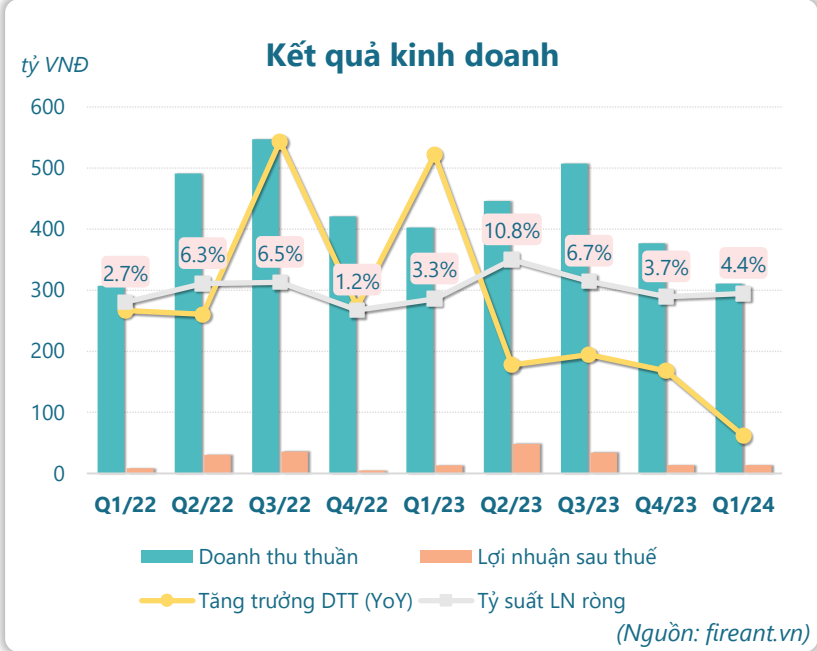
ROE

2023

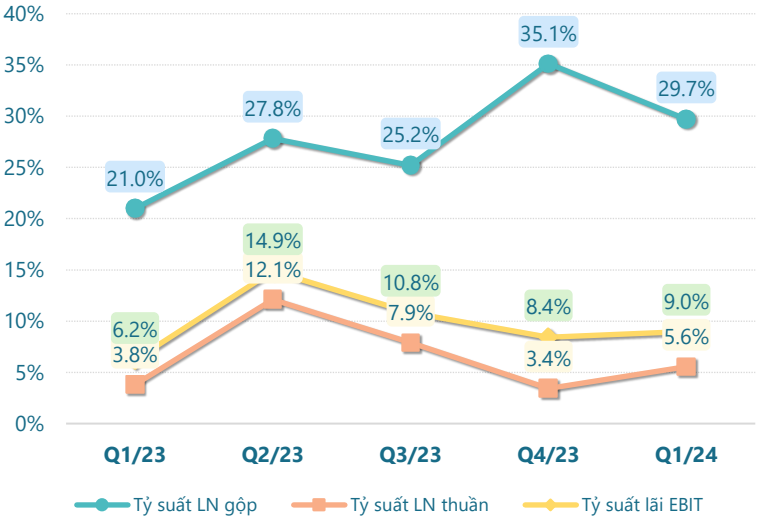
11.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%



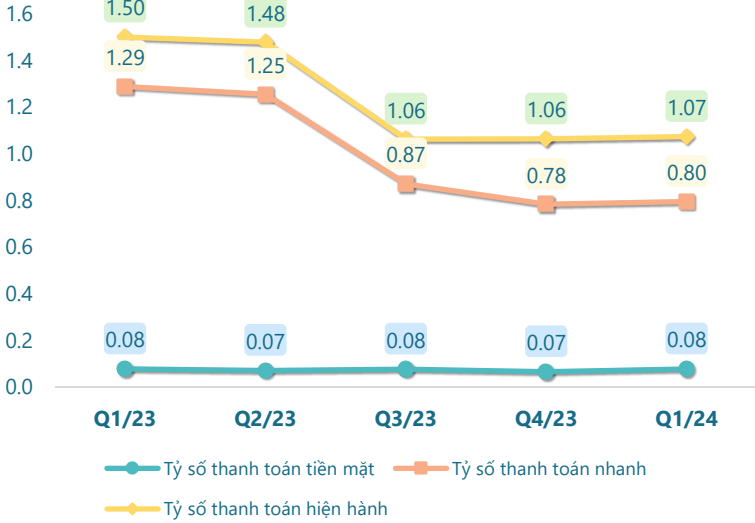


Tỷ suất lợi nhuận



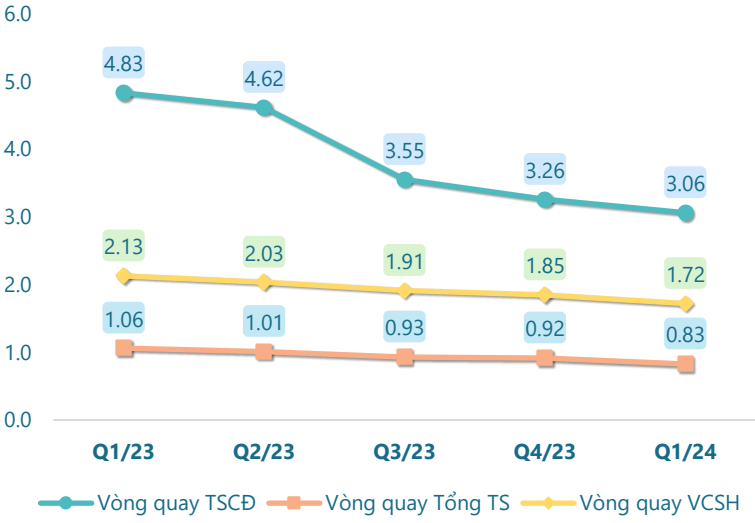
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



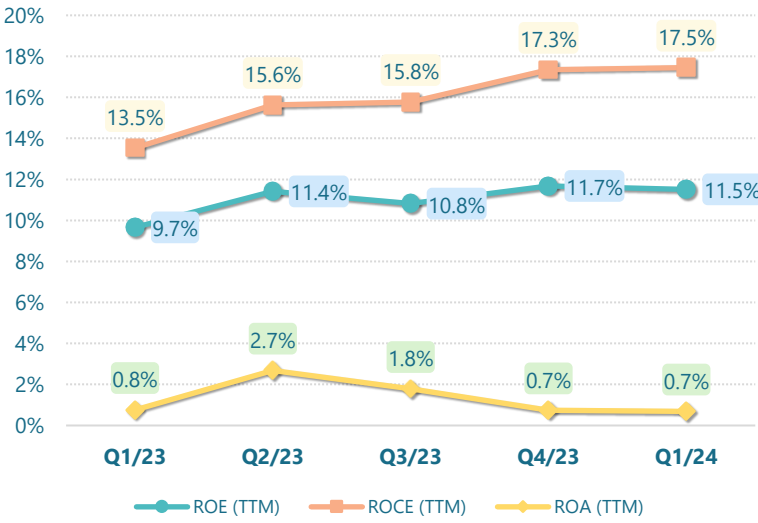
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



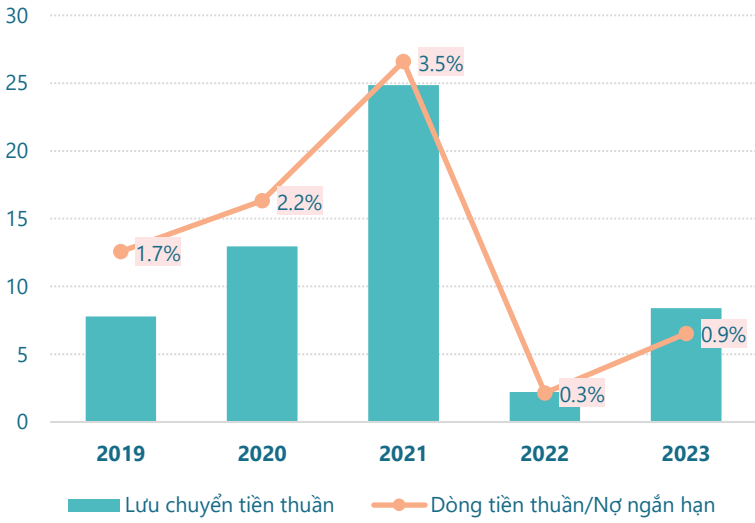
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



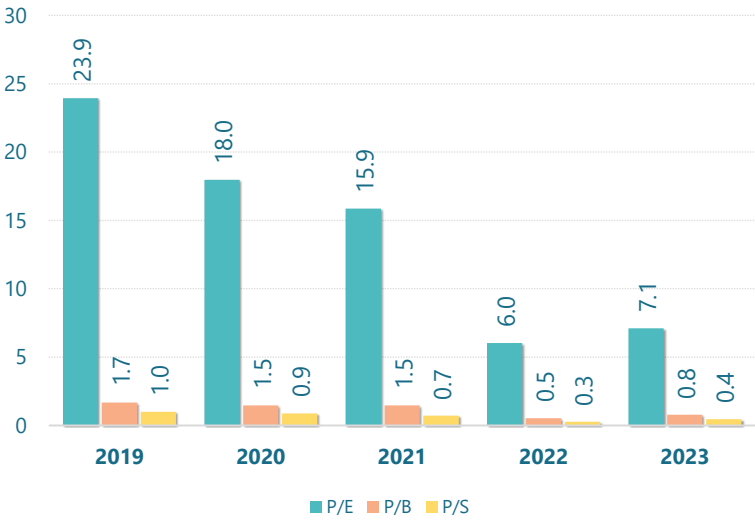
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)